

C. PHẨM TUỆ (*PAÑÑĀVAGGO*)

I. GIẢNG VỀ TUỆ (*PAÑÑĀKATHĀ*)

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ¹ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiểu được tròn đủ.

Tuệ vi tiểu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến

¹ Bảy tuệ thêm vào tuệ có tên “bản tánh sáng suốt (*paññiccam*)” là tám. Tám tuệ thêm vào tuệ phổ thông (*puthupaññā*) là chín (*PsA.* III. 640).

tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiêu được tròn đủ.

Tuệ vi tiêu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiêu được tròn đủ.

Tuệ vi tiêu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về

vô ngã ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ nhàm chán được tròn đủ. Sự quán xét về khổ não ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vĩ đại được tròn đủ. Sự quán xét về vô ngã ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ sắc bén được tròn đủ. Sự quán xét về nhàm chán ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ rộng lớn được tròn đủ. Sự quán xét về ly tham ái ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ thâm sâu được tròn đủ. Sự quán xét về diệt tận ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vô song được tròn đủ. Sự quán xét về từ bỏ ở sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Bảy tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến bản tánh sáng suốt được tròn đủ. Tám tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ phổ thông được tròn đủ. Chín tuệ này được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ vi tiêu được tròn đủ.

Tuệ vi tiêu là sự phân tích về phép biện giải. Từ việc xác định ý nghĩa bởi tuệ ấy, sự phân tích về ý nghĩa là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định pháp, sự phân tích về pháp là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Từ việc xác định ngôn từ, sự phân tích về ngôn từ là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Từ việc xác định phép biện giải, sự phân tích về phép biện giải là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ. Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ? Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ gì được tròn đủ?

Sự quán xét về vô thường ở lão tử được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. Sự quán xét về vô thường ở lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai được tu tập, được làm cho sung mãn khiến tuệ đồng tốc được tròn đủ. ... (nt)... Bốn phân tích này của vị ấy là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ.

Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhập lưu. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhập lưu.

Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự tác chứng quả Nhất lai. ... đưa đến sự tác chứng quả Bất lai. ... đưa đến sự tác chứng quả A-la-hán. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến sự tác chứng quả A-la-hán.

Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thành đạt về tuệ... (nt)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ... (nt)... đưa đến sự tiến triển của tuệ... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ phổ thông... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vô song... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ bao la... (nt)... đưa đến sự dồi dào của tuệ... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ vi tiểu... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ sắc bén... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt. Bốn là gì? Thân cận bậc thiện nhân, lắng nghe Chánh pháp, tác ý đúng đường lối, thực hành đúng theo ý nghĩa của pháp. Này các Tỳ-khuru, bốn pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến sự thành đạt về tuệ... (nt)... đưa đến sự tăng trưởng của tuệ... (nt)... đưa đến trạng thái tuệ thông suốt.

Đưa đến sự thành đạt về tuệ: Sự thành đạt về tuệ là gì? Là sự đạt được, sự thành đạt, sự đạt đến, sự thành tựu, sự chạm đến, sự tác chứng, sự hoàn thành

của bốn trí về đạo, của bốn trí về quả, của bốn trí phân tích, của sáu thắng trí, của bảy mươi ba trí,² của bảy mươi bảy trí.³ “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự thành đạt về tuệ”; đây là sự thành đạt về tuệ.

Đưa đến sự tăng trưởng của tuệ: Sự tăng trưởng của tuệ gì? Tuệ của bảy vị Hữu học và của phạm nhân hoàn thiện tăng trưởng, tuệ của vị A-la-hán tăng trưởng. “Các sự tăng trưởng đã được tăng trưởng đưa đến sự tăng trưởng của tuệ”; đây là sự tăng trưởng của tuệ.

Đưa đến sự tiến triển của tuệ: Sự tiến triển của tuệ gì? Tuệ của bảy vị Hữu học và của vị phạm nhân hoàn thiện đi đến sự tiến triển, tuệ của vị A-la-hán đã đi đến sự tiến triển. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự tiến triển của tuệ”; đây là sự tiến triển của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại: Tuệ vĩ đại là gì? “Năm giữ các ý nghĩa vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các pháp vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các ngôn từ vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các phép biện giải vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các giới uẩn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các định uẩn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các tuệ uẩn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các giải thoát uẩn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các giải thoát tri kiến uẩn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các sự hợp lý và không hợp lý vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các sự an trú và chứng đạt vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các chân lý cao thượng vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các sự thiết lập niệm vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các chánh cần vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các nền tảng thần thông vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các quyền vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các lực vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các giác chi vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các Thánh đạo vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các quả vị Sa-môn vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ các thắng trí vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Năm giữ Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vĩ đại” là tuệ vĩ đại. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vĩ đại”; đây là tuệ vĩ đại.

Đưa đến trạng thái tuệ phổ thông: Tuệ phổ thông là gì? “Trí vận hành về các uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các giới phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các xứ phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các trường hợp không đạt được không tánh phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các ý nghĩa phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các pháp phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các ngôn từ phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các phép biện giải phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các giới uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các định uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các tuệ uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ

² Bảy mươi ba trí: Là 73 trí đã được đề cập ở phần Tiêu đề (PsA. III. 642), xem trang 759-62 trong tập này. (ND)

³ Bảy mươi bảy trí: Chú giải cho trích dẫn ở *Saṃyuttanikāya* (PsA. III. 642). Xem *TTTĐPGVN*, tập 3, trang 329, *Kinh Những căn bản của trí* (bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu): “Trí biết rằng già chết do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thời không có già, chết, v.v...” (ND)

phổ thông. “Trí vận hành về các giải thoát uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các giải thoát tri kiến uẩn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các chân lý cao thượng phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các sự thiết lập niệm phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các chánh căn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các nền tảng thần thông phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các quyền phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các lực phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các giác chi phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các Thánh đạo phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các quả vị Sa-môn phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vận hành về các thắng trí phổ thông và khác biệt” là tuệ phổ thông. “Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phàm nhân rồi vận hành về Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối” là tuệ phổ thông. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ phổ thông”; đây là tuệ phổ thông.

Đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn: Tuệ rộng lớn là gì? “Năm giữ các ý nghĩa rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các pháp rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các ngôn từ rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các phép biện giải rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các giới uẩn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các định uẩn nghĩa rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các tuệ uẩn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các giải thoát uẩn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các giải thoát tri kiến uẩn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các sự hợp lý và không hợp lý rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các sự an trú và chứng đạt rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các chân lý cao thượng rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các sự thiết lập niệm rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các chánh căn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các nền tảng thần thông rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các quyền rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các lực rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các giác chi rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các Thánh đạo rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các quả vị Sa-môn rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ các thắng trí rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Năm giữ Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối rộng lớn” là tuệ rộng lớn. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ rộng lớn”; đây là tuệ rộng lớn.

Đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu: Tuệ thâm sâu là gì? “Trí vận hành về các uẩn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các giới thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các xứ thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các sự sanh khởi tùy thuận thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các trường hợp không đạt được không tánh thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các ý nghĩa thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các pháp thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các ngôn từ thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các phép biện giải thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về

các giới uẩn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các định uẩn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các giải thoát uẩn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các giải thoát tri kiến uẩn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các sự hợp lý và không hợp lý thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các sự an trú và chứng đạt thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các chân lý cao thượng thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các sự thiết lập niệm thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các chánh cần thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các nền tảng thần thông thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các quyền thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các lực thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các giác chi thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các Thánh đạo thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các quả vị Sa-môn thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vận hành về các thắng trí thâm sâu” là tuệ thâm sâu. “Trí vượt qua các pháp phổ biến đến phàm nhân rồi vận hành về Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối” là tuệ thâm sâu. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ thâm sâu”; đây là tuệ thâm sâu.

Đưa đến trạng thái tuệ vô song: Tuệ vô song là gì? Cá nhân nào, do xác định ý nghĩa có sự phân tích về ý nghĩa được đặc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định pháp có sự phân tích về pháp được đặc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định ngôn từ có sự phân tích về ngôn từ được đặc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; do xác định phép biện giải có sự phân tích về phép biện giải được đặc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ; đối với vị ấy không ai có thể vượt trội về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải. “Và vị ấy là không thể bị vượt trội bởi những người khác” là tuệ vô song.

Tuệ của phàm nhân hoàn thiện so với tuệ của hạng thứ tám [đạo Nhập lưu] là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với phàm nhân hoàn thiện, hạng thứ tám là có tuệ vô song. Tuệ của hạng thứ tám so với tuệ của vị Nhập lưu là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với hạng thứ tám, vị Nhập lưu là có tuệ vô song. Tuệ của vị Nhập lưu so với tuệ của vị Nhất lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhập lưu, vị Nhất lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Nhất lai so với tuệ của vị Bất lai là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Nhất lai, vị Bất lai là có tuệ vô song. Tuệ của vị Bất lai so với tuệ của vị A-la-hán là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị Bất lai, vị A-la-hán là có tuệ vô song. Tuệ của vị A-la-hán so với tuệ của vị Phật Độc Giác là xa vời, là xa vời rõ rệt, là xa vời vô cùng rõ rệt, là không gần, là không kề cận; so với vị A-la-hán, vị Phật Độc Giác là có tuệ vô song; so với vị Phật Độc Giác và thế gian luôn cả chư thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đẳng Chánh Đẳng Giác là có tuệ vô song tối thắng. Là vị thiện xảo về các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đặc

chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư, là người như loài rồng, là người có dòng dõi cao quý, là người cất đi gánh nặng, là vị có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ] có tài sản [trí tuệ] lớn lao, có của cải [trí tuệ] là vị lãnh đạo, vị hướng đạo, vị dẫn dắt, vị giúp cho nhận biết, vị giúp cho suy nghiệm, vị giúp cho quan sát, vị tạo niềm tin.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị làm sanh lên đạo lộ chưa được sanh lên, là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị tuyên thuyết về đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị thông thạo về đạo lộ, hơn nữa, hiện nay các vị Thinh văn của Ngài là những người đi theo đạo lộ rồi an trú, là những người tiếp nối.

Bởi vì Ngài là đức Thế Tôn, là vị biết điều đã được biết, thấy điều đã được thấy, là mắt, là trí, là pháp, là đấng Brahma, là vị nói ra, là vị nói lên, là vị đem lại ý nghĩa, là vị ban phát bát tử, là đấng Pháp Chủ, là đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không gì là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được tác chứng, không được chạm đến bởi tuệ. Tính luôn cả quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả các pháp với mọi biểu hiện đều nổi bật ở trí của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì được gọi là cần được biết, tất cả các điều ấy đều được biết. Ý nghĩa thuộc về bản thân, hoặc ý nghĩa thuộc về người khác, hoặc ý nghĩa thuộc về cả hai, hoặc ý nghĩa trong thời hiện tại, hoặc ý nghĩa liên quan đến thời vị lai, hoặc ý nghĩa hời hợt, hoặc ý nghĩa thâm sâu, hoặc ý nghĩa khó hiểu, hoặc ý nghĩa được che đậy, hoặc ý nghĩa cần được biết, hoặc ý nghĩa đã được kết luận, hoặc ý nghĩa không sai trái, hoặc ý nghĩa không ô nhiễm, hoặc ý nghĩa thuần khiết, hoặc ý nghĩa tuyệt đối, tất cả các điều ấy đều xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả các nghiệp về thân đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về khẩu đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Tất cả các nghiệp về ý đều được xoay chuyển thuận theo trí của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm đã qua là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm chưa đến là không bị chướng ngại. Trí của đức Phật Thế Tôn về thời điểm hiện tại là không bị chướng ngại. Điều cần được biết là đến đâu, trí [của Ngài] là đến thế ấy; trí [của Ngài] là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí [của Ngài] có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có cùng ranh giới với trí [của Ngài]. Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí [của Ngài] không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí [của Ngài]; các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Giống như hai phần của chiếc hộp được gắn liền khít khao, phần hộp ở bên dưới không vượt quá phần bên trên, phần hộp ở bên trên không vượt qua phần bên dưới; chúng có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Tương tự y như thế, điều cần được biết và trí của đức Phật Thế Tôn có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Điều cần được biết là đến đâu, trí [của Ngài] là đến thế ấy; trí [của Ngài] là đến đâu, điều cần được biết là đến thế ấy. Trí [của Ngài] có cùng ranh giới với điều cần được biết, điều cần được biết có

cùng ranh giới với trí [của Ngài]. Sau khi vượt qua điều cần được biết, trí [của Ngài] không vận hành, không có hiện tượng của điều cần được biết vượt qua trí [của Ngài]; các pháp ấy có tình trạng cùng chung ranh giới lẫn nhau. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp.

Đối với đức Phật Thế Tôn, tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với tác ý, được gắn liền với sự sanh lên của tâm. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Phật biết thiên kiến, biết xu hướng ngu ngàm, biết tánh hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết những chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn côi chư thiên, côi Ma vương, côi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài cá và rùa nào, thậm chí tính luôn loại cá ông, cá voi, đều xoay chuyển ở giữa biển cả bao la. Tương tự như vậy, thế gian tính luôn côi chư thiên, côi Ma vương, côi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người xoay chuyển ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ loài có cánh nào, thậm chí tính luôn cả Kim Sí điều thuộc loại Venateyya, đều xoay chuyển ở khoảng không gian của bầu trời. Tương tự y như thế, ngay cả những vị là tương đương với Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chỉ xoay chuyển trong phạm vi trí của đức Phật.

Trí của đức Phật xâm nhập, chiếm cứ và ngự trị tuệ của chư thiên và nhân loại. Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là [mũi tên] xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đập đổ những khuynh hướng tà kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải, được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về “tuệ.” Ngài là tối thắng và có tuệ vô song. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vô song”; đây là tuệ vô song.

Đưa đến trạng thái tuệ bao la: Tuệ bao la là gì? “Chế ngự tham ái” là tuệ bao la. “Đã được chế ngự” là tuệ bao la. “Chế ngự sân” là tuệ bao la. “Đã được chế ngự” là tuệ bao la. “Chế ngự si” là tuệ bao la. “Đã được chế ngự” là tuệ bao la. “Chế ngự sự giận dữ”... sự căm hận... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bòn xén... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... “Chế ngự tất cả nghiệp dẫn đến hữu” là tuệ bao la. “Đã được chế ngự” là tuệ bao la.

“Tham ái là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy” là tuệ bao la. “Sân là kẻ thù.

Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy” là tuệ bao la. “Si là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy” là tuệ bao la. “Sự giận dữ... Sự căm hận... Sự gièm pha... Sự hà hiếp... Sự ganh tỵ... Sự bòn xén... Sự xảo trá... Sự đạo đức giả... Sự bướng bỉnh... Sự cống cao... Sự ngã mạn... Sự cao ngạo... Sự kiêu căng... Sự buông lung... Toàn bộ phiền não... Tất cả các ác hạnh... Tất cả các hành... “Tất cả nghiệp dẫn đến hữu là kẻ thù. Tuệ nghiền nát kẻ thù ấy” là tuệ bao la. Quả đất được gọi là bao la. “Đức Phật hội đủ về tuệ ấy có tính rộng lớn tương tự như quả đất”, như thế là tuệ bao la. Hơn nữa, điều này là sự đặt tên cho tuệ. “Bao la, mãi tiếp, liên quan đến lãnh đạo” là tuệ bao la. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ bao la”; đây là tuệ bao la.

Đưa đến sự dồi dào của tuệ: Sự dồi dào của tuệ là gì? Ở đây, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dồi dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. Ví như người chú trọng về đồ chúng được gọi là: “Người có nhiều đồ chúng”; người chú trọng về y được gọi là: “Người có nhiều y”; người chú trọng về bình bát được gọi là: “Người có nhiều bình bát”; người chú trọng về sàng tọa được gọi là: “Người có nhiều sàng tọa”; tương tự như thế, có người chú trọng về tuệ, thực hành về tuệ, có thiên hướng về tuệ, có khuynh hướng về tuệ, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là pháp chủ đạo, có nhiều tìm hiểu, nhiều suy xét, nhiều xem xét, nhiều quan sát, có sự việc để quan sát, an trú vào sự việc rõ ràng, thực hành tuệ ấy, chú trọng tuệ ấy, dồi dào tuệ ấy, thuận theo tuệ ấy, xuôi theo tuệ ấy, nghiêng theo tuệ ấy, khuynh hướng về tuệ ấy, có tuệ ấy là chủ đạo. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến sự dồi dào của tuệ”; đây là sự dồi dào của tuệ.

Đưa đến trạng thái tuệ nhạy bén: Tuệ nhạy bén là gì? “Làm tròn đủ các giới vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ việc thu thúc các quyền vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ sự gắn bó với tinh thức vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ giới uẩn vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ định uẩn vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ giải thoát uẩn vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ giải thoát tri kiến uẩn vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Tu tập các chánh cần vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Tu tập các nền tảng thân thông vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Tu tập các quyền vô cùng mau chóng” là tuệ nhạy bén. “Tu tập các lực vô cùng mau

chóng” là tuệ nhảy bén. “Tu tập các giác chi vô cùng mau chóng” là tuệ nhảy bén. “Tu tập Thánh đạo vô cùng mau chóng” là tuệ nhảy bén. “Tác chứng các quả vị Sa-môn vô cùng mau chóng” là tuệ nhảy bén. “Thấu triệt các thắng trí vô cùng mau chóng” là tuệ nhảy bén. “Tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng mau chóng” là tuệ nhảy bén. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ nhảy bén”; đây là tuệ nhảy bén.

Đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng: Tuệ nhẹ nhàng là gì? “Làm tròn đủ các giới vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Làm tròn đủ sự thu thúc các quyền vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Làm tròn đủ sự tri túc về vật thực vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Làm tròn đủ sự gắn bó với tinh thức vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Làm tròn đủ giới uẩn... định uẩn... tuệ uẩn... giải thoát uẩn... giải thoát tri kiến uẩn vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Thấu triệt các chân lý cao thượng vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các sự thiết lập niệm vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các chánh cần vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các nền tảng của thân thông vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các quyền vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các lực vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập các giác chi vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tu tập Thánh đạo vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tác chứng các quả vị Sa-môn vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Thấu triệt các thắng trí vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối vô cùng nhẹ nhàng” là tuệ nhẹ nhàng. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ nhẹ nhàng”; đây là tuệ nhẹ nhàng.

Đưa đến trạng thái tuệ vi tiểu: Tuệ vi tiểu là gì? Ở đây có người: “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ các giới” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự thu thúc các quyền” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự tri túc về vật thực” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ sự gắn bó với tinh thức” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan làm tròn đủ giới uẩn”... định uẩn... tuệ uẩn... giải thoát uẩn... giải thoát tri kiến uẩn... thấu triệt các sự hợp lý và không hợp lý... làm tròn đủ sự an trú và chứng đạt... thấu triệt các chân lý cao thượng... tu tập các sự thiết lập niệm... tu tập các chánh cần... tu tập các nền tảng thân thông... tu tập các quyền... tu tập các lực... tu tập các giác chi... tu tập Thánh đạo... tác chứng các quả vị Sa-môn” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân hoan thấu triệt các thắng trí” là tuệ vi tiểu. “Có nhiều tươi cười, có nhiều vui thích, có nhiều hài lòng, có nhiều hân

hoan tác chứng Niết-bàn có ý nghĩa tuyệt đối” là tuệ vi tiểu. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ vi tiểu”; đây là tuệ vi tiểu.

Đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc: Tuệ đồng tốc là gì? Bất cứ sắc nào thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, về toàn bộ sắc ấy “trực nhận một cách mau lẹ là vô thường” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là khổ não” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã” là tuệ đồng tốc. Bất cứ thọ nào... (nt)... Bất cứ tưởng nào... (nt)... Bất cứ các hành nào... (nt)... Bất cứ thức nào thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, nội phần hoặc ngoại phần, thô hoặc tế, thấp kém hoặc cao quý, là ở xa hoặc gần, về toàn bộ thức ấy “trực nhận một cách mau lẹ là vô thường” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là khổ não” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã” là tuệ đồng tốc. Mất... (nt)... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, “trực nhận một cách mau lẹ là vô thường” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là khổ não” là tuệ đồng tốc, “trực nhận một cách mau lẹ là vô ngã” là tuệ đồng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: “Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi”, “trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết-bàn” là tuệ đồng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: “Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mất... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường theo ý nghĩa đoạn tận, là khổ não theo ý nghĩa kinh hãi, là vô ngã theo ý nghĩa không có cốt lõi”, “trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết-bàn” là tuệ đồng tốc.

Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: “Sắc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận”, “trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận sắc là Niết-bàn” là tuệ đồng tốc. Sau khi cân nhắc, xác định, phân biệt, làm rõ rệt rằng: “Thọ... Tưởng... Các hành... Thức... Mất... Lão tử thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là vô thường, là pháp hữu vi, được tùy thuận sanh khởi, là pháp đoạn tận, là pháp biến hoại, là pháp ly tham ái, là pháp diệt tận”, “trực nhận một cách mau lẹ về sự diệt tận lão tử là Niết-bàn” là tuệ đồng tốc. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ đồng tốc” là tuệ đồng tốc.

Đưa đến trạng thái tuệ sắc bén: Tuệ sắc bén là gì? “Cắt đứt các phiền não một cách mau lẹ” là tuệ sắc bén. “Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu dục tâm đã sanh lên” là tuệ sắc bén. “Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân độc tâm đã sanh lên” là tuệ sắc bén. “Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu hãm hại tâm đã sanh lên... (nt)... các pháp ác bất thiện đã sanh lên” là tuệ sắc bén. “Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu tham ái đã sanh lên” là tuệ sắc bén.

“Không chịu đựng, dứt bỏ, làm tiêu tan, làm chấm dứt, làm cho không hiện hữu sân đã sanh lên... si đã sanh lên... sự giận dữ đã sanh lên... sự căm hận đã sanh lên... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bòn xén... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... tất cả nghiệp dẫn đến hữu” là tuệ sắc bén. “Ở một chỗ ngồi, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn phân tích, sáu thắng trí là được đắc chứng, được tác chứng, được chạm đến bằng tuệ” là tuệ sắc bén. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ sắc bén” là tuệ sắc bén.

Đưa đến trạng thái tuệ thông suốt: Tuệ thông suốt là gì? Ở đây, có người có nhiều kinh hoàng về tất cả các hành, có nhiều sợ sệt, có nhiều bất mãn, có nhiều không hứng thú, có nhiều không hứng khởi, tỏ vẻ không hứng thú ở tất cả các hành. “Thông suốt, khám phá tham uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây” là tuệ thông suốt. “Thông suốt, khám phá sân uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây” là tuệ thông suốt. “Thông suốt, khám phá si uẩn chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây” là tuệ thông suốt. “Thông suốt, khám phá sự giận dữ... sự căm hận... sự gièm pha... sự hà hiếp... sự ganh tỵ... sự bòn xén... sự xảo trá... sự đạo đức giả... sự bướng bỉnh... sự cống cao... sự ngã mạn... sự cao ngạo... sự kiêu căng... sự buông lung... toàn bộ phiền não... tất cả các ác hạnh... tất cả các hành... tất cả nghiệp dẫn đến hữu chưa được thông suốt trước đây, chưa được khám phá trước đây” là tuệ thông suốt. “Chúng [bốn pháp ấy] đưa đến trạng thái tuệ thông suốt” là tuệ thông suốt. Đây là mười sáu tuệ. Cá nhân hội đủ mười sáu tuệ này đạt đến [tuệ] phân tích.

Có hai hạng người đạt được phân tích: Một hạng đã thực tập trước đây, một hạng đã không thực tập trước đây. Người nào đã thực tập trước đây, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây: Một hạng đã nghe nhiều, một hạng đã không nghe nhiều. Người nào nghe nhiều, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều: Một hạng có nhiều sự thuyết giảng, một hạng không có nhiều sự thuyết giảng. Người nào có nhiều sự thuyết giảng, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng: Một hạng đã nương tựa vào vị thầy, một hạng đã không nương tựa vào vị thầy. Người nào đã nương tựa vào vị thầy, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy: Một hạng có nhiều sự an trú,⁴ một hạng không có nhiều sự an trú. Người nào có nhiều sự an trú, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú: Một hạng có nhiều sự quán xét lại, một hạng không có nhiều sự quán xét lại. Người nào có nhiều sự quán xét lại, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại: Một hạng đạt được sự phân tích của bậc Hữu học, một hạng đạt được sự phân tích của bậc Vô học. Người nào đạt được sự phân tích của bậc Vô học, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô học: Một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thánh văn, một hạng không đạt được sự toàn hảo của vị Thánh văn. Người nào đạt được sự toàn hảo của vị Thánh văn, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

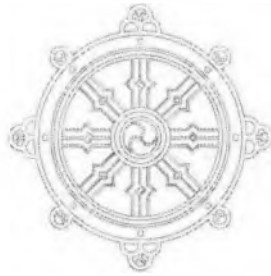
Có hai hạng người đạt được phân tích, cả hai đều đã thực tập trước đây, cả hai đều đã nghe nhiều, cả hai đều có nhiều sự thuyết giảng, cả hai đều đã nương tựa vào vị thầy, cả hai đều có nhiều sự an trú, cả hai đều có nhiều sự quán xét lại, cả hai đều đã đạt được sự phân tích của bậc Vô học: Một hạng đạt được sự toàn hảo của vị Thánh văn, một hạng là vị Độc Giác Phật. Người nào là vị Độc Giác Phật, người ấy là trội hơn, là vượt lên, là khác biệt với vị kia. Trí của vị ấy được khai mở.

Tính luôn vị Độc Giác Phật và thế gian có cả chư thiên, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác là tối thắng, đã đạt đến sự phân tích, là thiện xảo về các loại tuệ, có trí đã được phân hạng, có sự phân tích đã được đặc chứng, đã đạt đến bốn sự tự tín, là vị rành rẽ về mười lực, là bậc Nhân Ngưu, là bậc Nhân Sư... (nt)... Ngay cả các vị thông thái dòng Sát-đế-ly, các vị thông thái dòng Bà-la-môn, các vị gia chủ thông thái, các vị Sa-môn thông thái, khôn ngoan, biết đến các giáo thuyết của những người khác như là [mũi tên] xuyên qua sợi tóc, nghĩ rằng họ là những người đi đến đập đổ những khuynh hướng tà

⁴ Hạng có nhiều sự an trú (*vihārabahulo*) nghĩa là có nhiều an trú vào minh sát, có nhiều an trú vào sự chứng đạt quả vị (*PsA. III. 653*).

kiến nhờ vào tuệ đã đạt được. Những người ấy liên tục chuẩn bị câu hỏi rồi đi đến gặp đức Như Lai và chất vấn. Những câu hỏi khó hiểu và che đậy ấy, khi được giảng giải, được trả lời bởi đức Thế Tôn, trở thành những sự việc rõ ràng. Và những người ấy trở thành những người hỗ trợ đối với đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn vô cùng rạng rỡ ở tại nơi ấy, tức là về “Tuệ.” Ngài đã đạt đến sự phân tích và là vị tối thắng.

Phân giảng về “Tuệ” được đầy đủ.



II. GIẢNG VỀ THẦN THÔNG (IDDHIKATHĀ)

Điều gì là thần thông? Thần thông có bao nhiêu loại? Có bao nhiêu lãnh vực? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu căn bản? Có bao nhiêu cội nguồn?

Điều gì là thần thông? Theo ý nghĩa thành tựu là thần thông.

Thần thông có bao nhiêu loại? Thần thông có mười loại.

Thần thông có bao nhiêu lãnh vực? Thần thông có bốn lãnh vực, có bốn cơ sở, có tám căn bản, có mười sáu cội nguồn.

Mười loại thần thông gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do chú thuật, thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp.

Bốn lãnh vực gì của thần thông? Sơ thiên là lãnh vực sanh lên do viễn ly, nhị thiên là lãnh vực của hỷ và lạc, tam thiên là lãnh vực của xả và lạc, tứ thiên là lãnh vực của không khổ không lạc. Bốn lãnh vực này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Bốn cơ sở gì của thần thông? Ở đây vị Tỳ-khuru tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực, tu tập về nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực. Bốn cơ sở này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, tự tín về thần thông.

Tám căn bản gì của thần thông? Nếu do ước muốn, vị Tỳ-khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] ước muốn không phải là định, định không phải là ước muốn; ước muốn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tinh tấn, vị Tỳ-khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] tinh tấn không phải là định, định không phải là tinh tấn; tinh tấn là điều khác, định là điều khác. Nếu do tâm, vị Tỳ-khuru đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] tâm không phải là định, định không phải là tâm; tâm là điều khác, định là điều khác. Nếu do thẩm

xét, vị Tỳ-khưu đạt được định, đạt được trạng thái chuyên nhất của tâm, [như vậy] thâm xét không phải là định, định không phải là thâm xét; thâm xét là điều khác, định là điều khác. Tám căn bản này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Mười sáu cội nguồn gì của thần thông? “Không bị trì trệ, tâm không động bởi biếng nhác” là bất động. “Không bị hưng phấn, tâm không động bởi phóng dật” là bất động. “Không quá chăm chú, tâm không động bởi tham ái” là bất động. “Không xua đuổi, tâm không động bởi sân độc” là bất động. “Không lệ thuộc, tâm không động bởi kiến” là bất động. “Không gấn bó, tâm không động bởi ước muốn và tham ái” là bất động. “Được phóng thích, tâm không động bởi ái dục” là bất động. “Thoát khỏi ràng buộc, tâm không động bởi phiền não” là bất động. Được thoát khỏi chướng ngại, tâm không động bởi chướng ngại phiền não” là bất động. “Đạt đến trạng thái chuyên nhất, tâm không động bởi các phiền não có bản chất khác biệt” là bất động. “Được nắm giữ bởi đức tin, tâm không động bởi không có đức tin” là bất động. “Được nắm giữ bởi tinh tấn, tâm không động bởi biếng nhác” là bất động. “Được nắm giữ bởi niệm, tâm không động bởi buông lung” là bất động. “Được nắm giữ bởi định, tâm không động bởi phóng dật” là bất động. “Được nắm giữ bởi tuệ, tâm không động bởi vô minh” là bất động. “Đạt đến ánh sáng, tâm không động bởi bóng tối vô minh” là bất động. Mười sáu cội nguồn này của thần thông đưa đến sự đạt được thần thông, sự thành đạt thần thông, sự thể hiện thần thông, sự biến hóa thần thông, sở trường về thần thông, sự tự tín về thần thông.

Thần thông gì do chú nguyện? Ở đây, vị Tỳ-khưu kinh nghiệm thần thông nhiều thể loại: Chỉ là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không, trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước, đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất, di chuyển với thể kiết-già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh, bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời [là những vật] có đại thần lực như thế, có đại oai lực như thế, bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên.

Ở đây: Ở quan điểm này, ở sự mong muốn này, ở khuynh hướng này, ở sự chọn lọc này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở học thuyết này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư; vì thế được nói rằng: “Ở đây.”

Vị Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu là phạm nhân hoàn thiện, hoặc là vị Hữu học, hoặc là vị A-la-hán có pháp không thể thay đổi.

Kinh nghiệm thần thông nhiều thể loại: Là kinh nghiệm thể loại thần thông có cách thể hiện khác biệt.

Chỉ là một hóa thành nhiều: Bình thường là một, hướng tâm đến nhiều, hoặc hướng tâm đến một trăm, hoặc một ngàn, hoặc một trăm ngàn. Sau khi

hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Ta hãy là nhiều” và trở thành nhiều. Giống như Đại đức Cullapanthaka chỉ là một hóa thành nhiều; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, chỉ là một hóa thành nhiều.

Là nhiều hóa thành một: Bình thường là nhiều, hướng tâm đến một. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Ta hãy là một” và trở thành một. Giống như Đại đức Cullapanthaka là nhiều hóa thành một; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt đến năng lực của ý, là nhiều hóa thành một.

Hiện ra: Là không bị ngăn che, không bị che đậy bởi bất cứ vật gì, được mở ra, được hiển hiện.

Biến mất: Là bị ngăn che, bị che đậy bởi bất cứ vật gì, bị đóng lại, bị lật úp lại.

Đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục hư không một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến việc xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là hư không” và trở thành hư không. [Vị ấy] đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, ở chỗ không bị ngăn che, không bị che đậy bởi bất cứ vật gì, đi không bị ngăn trở; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi xuyên qua vách nhà, xuyên qua tường thành, xuyên qua núi non không bị ngăn trở như là ở khoảng không.

Trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục nước một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến đất. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là nước” và trở thành nước. Vị ấy trôi lên và chìm xuống vào trong đất. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, trôi lên và chìm vào trong nước; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, trôi lên và chìm xuống vào trong đất như là ở trong nước.

Đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến nước. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là đất” và trở thành đất. Vị ấy đi ở trên nước mà [nước] không bị tách ra. Giống như những người ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi ở trên đất mà [đất] không bị tách ra; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi ở trên nước mà [nước] không bị tách ra như là ở trên đất.

Di chuyển với thể kiết-già ở trên hư không cũng như loài chim có cánh: Là vị thành tựu sự chứng đạt đề mục đất một cách tự nhiên. [Vị ấy] hướng tâm đến hư không. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là đất” và trở thành đất. Vị ấy đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống. Giống như những người, ở trạng thái bình thường không có thần thông, đi tới lui ở trên đất, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống; tương tự như

thể, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đi tới lui ở trên hư không bầu trời, rồi đứng lại, ngồi xuống, rồi nằm xuống cũng như loài chim có cánh.

Bằng bàn tay sờ đến chạm vào ngay cả mặt trăng và mặt trời [là những vật] có đại thần lực như thể, có đại oai lực như thể: Ở đây, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, hướng tâm đến mặt trăng và mặt trời. Sau khi hướng tâm, chú nguyện bằng trí rằng: “Hãy là ở trong tâm tay” và trở thành ở trong tâm tay. Vị ấy đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào mặt trăng và mặt trời. Giống như những người ở trạng thái bình thường không có thần thông, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào bất cứ vật gì có hình thể ở trong tâm tay; tương tự như thế, vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, đang ngồi hoặc đang nằm, bằng bàn tay đụng đến, sờ đến, chạm vào mặt trăng và mặt trời.

Bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên: Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên, đầu xa chú nguyện là gần rằng: “Hãy là gần” và trở thành gần; đầu gần chú nguyện thành xa rằng: “Hãy là xa” và trở thành xa, đầu nhiều chú nguyện thành ít rằng: “Hãy là ít” và trở thành ít; đầu ít chú nguyện thành nhiều rằng: “Hãy là nhiều” và trở thành nhiều; nhìn thấy hình dáng của vị Phạm thiên ấy bằng thiên nhãn, nghe được tiếng của vị Phạm thiên ấy bằng thiên nhĩ, nhận biết tâm của vị Phạm thiên ấy bằng trí biết được tâm của người khác. Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên bằng thân được nhìn thấy, [vị ấy] hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, chú nguyện tâm theo năng lực của thân. Sau khi hoán chuyển tâm theo năng lực của thân, sau khi chú nguyện tâm theo năng lực của thân, sau khi nhập vào lạc tướng và khinh tướng, vị ấy đi đến cõi Phạm thiên bằng thân được nhìn thấy. Nếu vị ấy có thần thông đã đạt được năng lực của ý, có ý muốn đi đến cõi Phạm thiên bằng thân không được nhìn thấy, [vị ấy] hoán chuyển thân theo năng lực của tâm, chú nguyện thân theo năng lực của tâm. Sau khi hoán chuyển thân theo năng lực của tâm, sau khi chú nguyện thân theo năng lực của tâm, sau khi nhập vào lạc tướng và khinh tướng, vị ấy đi đến cõi Phạm thiên bằng thân không được nhìn thấy. Vị ấy làm ra hình thể được tạo thành bởi ý có tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh ở phía trước vị Phạm thiên ấy. Nếu vị có thần thông ấy đi kinh hành, hình biến hóa [của vị ấy] cũng đi kinh hành ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng lại, hình biến hóa cũng đứng lại ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy ngồi xuống, hình biến hóa cũng ngồi xuống ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy nằm, hình biến hóa cũng nằm ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phun khói, hình biến hóa cũng phun khói ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy phát sáng, hình biến hóa cũng phát sáng ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy thuyết pháp, hình biến hóa cũng thuyết pháp ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy trả lời khi được hỏi câu hỏi, hình biến hóa cũng trả lời khi được hỏi câu hỏi ở nơi ấy. Nếu vị có thần thông ấy đứng chung chuyện văn, bản luận với vị Phạm thiên ấy, hình biến hóa cũng

đứng chung chuyện vãn, bàn luận với vị Phạm thiên ấy ở nơi ấy. Vị có thần thông ấy làm bất cứ việc gì, hình biến hóa [của vị ấy] cũng làm chính ngay việc ấy. Đây là thần thông do chú nguyện.

Thần thông do biến hóa là gì? Vị Thịnh văn của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác Sikhī tên là Abhibhū đứng ở cõi Phạm thiên đã dùng giọng nói thông báo đến một ngàn cõi thế giới. Vị ấy đã thuyết pháp với thân được nhìn thấy, đã thuyết pháp với thân không được nhìn thấy, đã thuyết pháp với nửa phần thân dưới được nhìn thấy với nửa phần thân trên không được nhìn thấy, đã thuyết pháp với nửa phần thân trên được nhìn thấy với nửa phần thân dưới không được nhìn thấy. Vị ấy rời bỏ hình dạng bình thường và phô bày hình dạng của thiếu niên, hoặc phô bày hình dạng của loài rồng, hoặc phô bày hình dạng của loài nhân điều, hoặc phô bày hình dạng của loài dạ-xoa, hoặc phô bày hình dạng của vị Thiên vương, hoặc phô bày hình dạng của vị thiên nhân, hoặc phô bày hình dạng của Phạm thiên, hoặc phô bày hình dạng của biển cả, hoặc phô bày hình dạng của ngọn núi, hoặc phô bày hình dạng của khu rừng, hoặc phô bày hình dạng của loài sư tử, hoặc phô bày hình dạng của loài cọp, hoặc phô bày hình dạng của loài beo, hoặc phô bày hình dạng của loài voi, hoặc phô bày hình dạng của loài ngựa, hoặc phô bày hình dạng của xe kéo, hoặc phô bày hình dạng của người lính, hoặc phô bày hình dạng của đoàn quân nhiều binh chủng. Đây là thần thông do biến hóa.

Thần thông do ý tạo thành là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Cũng giống như người đàn ông rút ra sợi rơm từ cọng cỏ muñja. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là cọng cỏ muñja, đây là sợi rơm. Cọng cỏ muñja là khác, sợi rơm là khác. Nhưng chính sợi rơm được rút ra từ cọng cỏ muñja.” Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể rút ra thanh gươm từ vỏ bọc. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là thanh gươm, đây là vỏ bọc. Thanh gươm là khác, vỏ bọc là khác. Nhưng chính thanh gươm được rút ra từ vỏ bọc.” Hoặc cũng giống như người đàn ông có thể tuốt ra con rắn từ lớp da. Vị ấy có thể nghĩ như vậy: “Đây là con rắn, đây là lớp da. Con rắn là khác, lớp da là khác. Nhưng chính con rắn được tuốt ra từ lớp da”; tương tự như thế, vị Tỳ-khưu từ thân này làm ra thân khác có hình thể được tạo thành bởi ý với tất cả các bộ phận lớn nhỏ và có giác quan hoàn chỉnh. Đây là thần thông do ý tạo thành.

Thần thông do sự can thiệp của trí là gì? “Do sự quán xét về vô thường, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường được thành tựu” là thần thông do sự can thiệp của trí. “Do sự quán xét về khổ não, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc...” “Do sự quán xét về vô ngã, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã...” “Do sự quán xét về nhàm chán, ý nghĩa dứt bỏ sự vui thích...” “Do sự quán xét về ly tham ái, ý nghĩa dứt bỏ tham ái...” “Do sự quán xét về diệt tận, ý nghĩa dứt bỏ nhân sanh khởi...” “Do sự quán xét về từ bỏ, ý nghĩa dứt bỏ sự nắm giữ được thành tựu” là thần thông do sự can thiệp của trí. Thần thông của Đại đức Bakkula là do sự can thiệp của trí. Thần thông của Đại đức Saṅkicca là do sự can thiệp của trí.

Thần thông của Đại đức Bhūtapāla là do sự can thiệp của trí. Đây là thần thông do sự can thiệp của trí.

Thần thông do sự can thiệp của định là gì? “Do Sơ thiền, ý nghĩa dứt bỏ các pháp ngăn che được thành tựu” là thần thông do sự can thiệp của định. “Do Nhị thiền, ý nghĩa dứt bỏ tầm tứ được thành tựu” là thần thông do sự can thiệp của định. “Do Tam thiền, ý nghĩa dứt bỏ hỷ được thành tựu”... “Do Tứ thiền, ý nghĩa dứt bỏ lạc và khổ được thành tựu”... “Do sự chứng đạt Không vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về sắc, nghĩ tưởng về bất bình, nghĩ tưởng về khác biệt được thành tựu”... “Do sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ được thành tựu”... “Do sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ được thành tựu”... “Do sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ, ý nghĩa dứt bỏ sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ được thành tựu” là thần thông do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Sāriputta là do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Sañjīva là do sự can thiệp của định. Thần thông của Đại đức Khāṇukopadāṇṇa là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Uttarā là do sự can thiệp của định. Thần thông của nữ cư sĩ Sāmāvatī là do sự can thiệp của định. Đây là thần thông do sự can thiệp của định.

Thần thông thuộc về bậc Thánh là gì? Ở đây, vị Tỳ-khưu nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm”, rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm”, rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm ngắm và vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm”, rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm; nếu ước mong rằng: “Ta có thể an trú vào vật nhòm ngắm và vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm”, rồi an trú vào nơi ấy với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm; nếu ước mong rằng: “Về vật nhòm ngắm và vật không nhòm ngắm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả ta có thể an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt”, rồi với trạng thái xả [vị ấy] an trú vào nơi ấy, có niệm và có sự nhận biết rõ rệt.

An trú vào vật nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc không được mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên tưởng về bản thể. An trú vào vật nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là nhòm ngắm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật nhòm ngắm và vật không nhòm ngắm với sự nghĩ tưởng là không nhòm ngắm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc không mong muốn và đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào lòng từ hoặc là liên

tưởng về bản thể. An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là không nhòm góm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với sự việc mong muốn, hoặc là chuyên chú vào bất tịnh hoặc là liên tưởng về vô thường. An trú vào vật nhòm góm và vật không nhòm góm với sự nghĩ tưởng là nhòm góm là [có ý nghĩa] như thế.

Về vật nhòm góm và vật không nhòm góm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy sắc bằng mắt, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú [vào vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Sau khi nghe thính [âm thanh] bằng tai... Sau khi ngửi khí [mùi] bằng mũi... Sau khi nếm vị bằng lưỡi... Sau khi va chạm [cảnh] xúc bằng thân... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, là không vui không buồn, với trạng thái xả an trú [vào vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt. Về vật nhòm góm và vật không nhòm góm, sau khi ngăn ngừa cả hai vật ấy, với trạng thái xả an trú [vào hai vật ấy] có niệm và có sự nhận biết rõ rệt là [có ý nghĩa] như thế. Đây là thần thông thuộc về bậc Thánh.

Thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp là gì? Là của tất cả các loài có cánh, là của tất cả chư thiên, là của một số thuộc nhân loại, là của một số thuộc hàng đạo xứ. Đây là thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp.

Thần thông của người có phước báu là gì? Đức Chuyển Luân Vương đi trên không trung cùng với đoàn quân bốn loại binh chủng thậm chí tính luôn cả những kẻ giữ ngựa, chăn trâu. Thần thông của gia chủ Jotika là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Jatila là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Mendaka là của người có phước báu, thần thông của gia chủ Ghosita là của người có phước báu. Đây là thần thông của người có phước báu.

Thần thông do chú thuật là gì? Sau khi nói lầm nhảm về chú thuật, những người rành rẽ về chú thuật đi trên không trung, phô bày voi, phô bày ngựa, phô bày xe kéo, phô bày người lính, phô bày đoàn quân nhiều binh chủng ở trên hư không bầu trời. Đây là thần thông do chú thuật.

Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên nỗ lực đúng đắn tùy theo trường hợp là [có ý nghĩa] thế nào? “Do thoát ly, ý nghĩa dứt bỏ ước muốn trong các dục được thành tựu” là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. “Do không sân độc, ý nghĩa dứt bỏ sân độc được thành tựu” là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. ... (nt)... “Do đạo A-la-hán, ý nghĩa dứt bỏ toàn bộ phiền não được thành tựu” là thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp. Thần thông với ý nghĩa thành tựu do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp là [có ý nghĩa] như thế. Đây là mười loại thần thông.

Phản giảng về “Thần thông” được đầy đủ.

III. GIẢNG VỀ SỰ LÃNH HỘI (*ABHISAMAYAKATHĀ*)

Sự lãnh hội: Lãnh hội nhờ vào gì? Lãnh hội nhờ vào tâm. Nếu lãnh hội nhờ vào tâm, vậy thì người không có trí [có thể] lãnh hội? Người không có trí không [thể] lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào trí, vậy thì người không có tâm [có thể] lãnh hội? Người không có tâm không [thể] lãnh hội. Lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí.

Nếu lãnh hội nhờ vào tâm và nhờ vào trí, vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm dục giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm sắc giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vô sắc giới và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vận hành theo nghiệp và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm thuận theo chân lý và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm quá khứ và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm vị lai và nhờ vào trí.

Vậy thì lãnh hội nhờ vào tâm hợp thể hiện tại và nhờ vào trí? Không phải lãnh hội nhờ vào tâm hợp thể hiện tại và nhờ vào trí.

Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế.

Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế là [có ý nghĩa] thế nào? Ở sát-na đạo siêu thế: Tâm có tính chủ đạo trong các pháp sanh lên là nhân và duyên của trí; trí tương ưng với điều ấy, có hành xứ là sự diệt tận, có tính chất chủ đạo trong việc nhận thấy là nhân và duyên của tâm; trí tương ưng với điều ấy là hành xứ của sự diệt tận.⁵ Lãnh hội nhờ vào tâm hiện tại và nhờ vào trí ở sát-na đạo siêu thế là [có ý nghĩa] như thế.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo siêu thế: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về việc gắn chặt [tâm vào cảnh]

⁵ Hành xứ của sự diệt tận nghĩa là cảnh Niết-bàn (*PsA*. III. 687).

là chánh tư duy, sự lãnh hội về gìn giữ là chánh ngữ, sự lãnh hội về nguồn sanh khởi là chánh nghiệp, sự lãnh hội về trong sạch là chánh mạng, sự lãnh hội về ra sức là chánh tinh tấn, sự lãnh hội về thiết lập là chánh niệm, sự lãnh hội về không tán mạn là chánh định.

Sự lãnh hội về thiết lập là niệm giác chi, sự lãnh hội về suy xét là trạch pháp giác chi, sự lãnh hội về ra sức là cần giác chi, sự lãnh hội về lan tỏa là hỷ giác chi, sự lãnh hội về an tịnh là tịnh giác chi, sự lãnh hội về không tán mạn là định giác chi, sự lãnh hội về phân biệt rõ là xả giác chi.

Sự lãnh hội về tính chất không dao động ở sự không có đức tin là tín lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở biếng nhác là tấn lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở buông lung là niệm lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở phóng dật là định lực, sự lãnh hội về tính chất không dao động ở vô minh là tuệ lực. Sự lãnh hội về cương quyết là tín quyền, sự lãnh hội về ra sức là tấn quyền, sự lãnh hội về thiết lập là niệm quyền, sự lãnh hội về không tán mạn là định quyền, sự lãnh hội về nhận thấy là tuệ quyền.

Sự lãnh hội về các quyền theo ý nghĩa pháp chủ đạo, sự lãnh hội về các lực theo ý nghĩa về tính chất không thể bị lay chuyển, sự lãnh hội về các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi], sự lãnh hội về đạo theo ý nghĩa chung tử, sự lãnh hội về thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập, sự lãnh hội về các chánh căn theo ý nghĩa nỗ lực, sự lãnh hội về các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu, sự lãnh hội về chân lý theo ý nghĩa của thực thể, sự lãnh hội về chỉ tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, sự lãnh hội về minh sát theo ý nghĩa quán sát, sự lãnh hội về chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị, sự lãnh hội về kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá, sự lãnh hội về giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc, sự lãnh hội về tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, sự lãnh hội về kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa được phóng thích, sự lãnh hội về minh theo ý nghĩa thấu triệt, sự lãnh hội về giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ, trí về đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là sự lãnh hội.

Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội, tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là sự lãnh hội, xúc theo ý nghĩa liên kết là sự lãnh hội, thọ theo ý nghĩa hội tụ là sự lãnh hội, định theo ý nghĩa dẫn đầu là sự lãnh hội, niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là sự lãnh hội, tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là sự lãnh hội, giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là sự lãnh hội, Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội. Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo Nhập lưu: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na quả Nhập lưu: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến... (nt)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Có phải sự lãnh hội chỉ là bấy nhiêu? Không phải, ở sát-na đạo Nhất lai... ở sát-na quả Nhất lai... ở sát-na đạo Bất lai... ở sát-na quả Bất lai... ở sát-na đạo A-la-hán... ở sát-na quả A-la-hán: Sự lãnh hội về nhận thấy là chánh kiến, sự lãnh hội về sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là chánh tư duy... (nt)... trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tịnh lặng là sự lãnh hội. Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là sự lãnh hội... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là sự lãnh hội.

Vị này dứt bỏ các phiền não, dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại.

Dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, vậy thì [vị ấy] dứt bỏ pháp đã được cạn kiệt, làm diệt tận pháp đã được diệt tận, làm xa lìa pháp đã được xa lìa, làm biến mất pháp đã được biến mất; [vị ấy] dứt bỏ pháp thuộc quá khứ là pháp không hiện hữu. Như thế, [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ.

Dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, vậy thì [vị ấy] dứt bỏ pháp chưa được sanh ra, dứt bỏ pháp chưa được tạo lập, dứt bỏ pháp chưa được sanh lên, dứt bỏ pháp chưa được hiện khởi; [vị ấy] dứt bỏ pháp thuộc vị lai là pháp không hiện hữu. Như thế, [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai.

Dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu [vị ấy] dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì bị ái nhiễm [vị ấy] dứt bỏ tham ái, bị hư hỏng [vị ấy] dứt bỏ sân, bị mê muội [vị ấy] dứt bỏ vô minh, bị ràng buộc [vị ấy] dứt bỏ ngã mạn, bị tiêm nhiễm [vị ấy] dứt bỏ tà kiến, bị rơi vào tản mạn [vị ấy] dứt bỏ phóng dật, bị rơi vào không dứt khoát [vị ấy] dứt bỏ hoài nghi, bị rơi vào cố tật [vị ấy] dứt bỏ pháp ngủ ngầm; [như thế] các pháp đen và trắng⁶ được kết hợp chung, hiện hữu một cách bình đẳng, sự tu tập đạo là còn phiền não.

[Vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại: Nếu [vị ấy] không dứt bỏ các phiền não thuộc quá khứ, không dứt bỏ các phiền não thuộc vị lai, không dứt bỏ các phiền não thuộc hiện tại, vậy thì [phải chăng] không có sự tu tập đạo, không có sự tác chứng quả, không có sự dứt bỏ các phiền não, không có sự lãnh hội các pháp? Có sự tu tập đạo, có sự tác chứng quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp. Như thế là [có ý nghĩa] thế nào? Giống như thân cây còn nhỏ có trái cây chưa được sanh ra, người ta có thể đốn ngã chính gốc cây ấy. Những trái cây chưa được sanh ra của cây ấy, chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu.

Tương tự như thế, sự sanh lên là nhân, sự sanh lên là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại trong sự sanh lên, tâm tiến đến sự

⁶ Các pháp đen và trắng (*kanhāsukkadhammā*) là các pháp bất thiện và thiện (*PsA. III. 688*).

không sanh lên. Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không sanh lên, các phiền não nào có sự sanh lên là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của khổ. Sự vận hành là nhân, hiện tướng là nhân, [ngiệp] tích lũy là nhân, [ngiệp] tích lũy là duyên đưa đến sự tạo lập các phiền não. Sau khi thấy được tai hại ở [ngiệp] tích lũy, tâm tiến đến sự không tích lũy [ngiệp]. Nhờ vào trạng thái của tâm ở sự không tích lũy [ngiệp] các phiền não nào có [ngiệp] tích lũy là duyên có thể được tạo lập, các phiền não ấy chính vì chưa được sanh ra nên [sẽ] không được sanh ra, chính vì chưa được tạo lập nên [sẽ] không được tạo lập, chính vì chưa được sanh lên nên [sẽ] không được sanh lên, chính vì chưa được hiện hữu nên [sẽ] không được hiện hữu. Như vậy, do sự diệt tận của nhân có sự diệt tận của khổ. Như vậy, có sự tu tập đạo, có sự tác chứng quả, có sự dứt bỏ các phiền não, có sự lãnh hội các pháp.

Phần giảng về “Sự lãnh hội” được đầy đủ.



IV. GIẢNG VỀ SỰ VIỄN LY (VIVEKAKATHĀ)

(Duyên khởi ở Sāvattthi)

Này các Tỳ-khuru, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực, tất cả các hành động ấy được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này được thực hiện như vậy. Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần.

Này các Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khuru, ở đây, vị Tỳ-khuru tu tập chánh kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Này các Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru tu tập Thánh đạo tám chi phần, làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần là [có ý nghĩa] như thế.

Này các Tỳ-khuru, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy [đạt được] sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Này các Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khuru, ở đây, vị Tỳ-khuru tu tập chánh kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự

hướng đến xả ly. Nay các Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru trong khi tu tập Thánh đạo tám chi phần, trong khi làm sung mãn Thánh đạo tám chi phần, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với chánh kiến, có năm sự viển ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với chánh tư duy... Đối với chánh ngữ... Đối với chánh nghiệp... Đối với chánh mạng... Đối với chánh tinh tấn... Đối với chánh niệm... Đối với chánh định, có năm sự viển ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với chánh kiến, có năm sự viển ly gì? Sự viển ly do áp chế, sự viển ly do thay thế, sự viển ly do đoạn trừ, sự viển ly do tĩnh lặng, sự viển ly do xuất ly. Và sự viển ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viển ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viển ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viển ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viển ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự viển ly này. Ở năm sự viển ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tĩnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tĩnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự diệt tận do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh kiến, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tĩnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông

suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự xả ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh kiến, có năm sự xả ly này. Ở năm sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh kiến, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Đối với chánh tư duy... Đối với chánh ngữ... Đối với chánh nghiệp... Đối với chánh mạng... Đối với chánh tinh tấn... Đối với chánh niệm... Đối với chánh định, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viễn ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái gì? Sự ly tham ái do áp chế, sự ly tham ái do thay thế, sự ly tham ái do đoạn trừ, sự ly tham ái do tĩnh lặng, sự ly tham ái do xuất ly. Và sự ly tham ái do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự ly tham ái do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự ly tham ái do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự ly tham ái do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự ly tham ái do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự ly tham ái này. Ở năm sự ly tham ái này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự diệt tận gì? Sự diệt tận do áp chế, sự diệt tận do thay thế, sự diệt tận do đoạn trừ, sự diệt tận do tĩnh lặng, sự diệt tận do xuất ly. Và sự diệt tận do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự diệt tận do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự diệt tận do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự diệt tận do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự diệt tận do xuất ly là bản thể bất tử. Đối với chánh định, có năm sự diệt tận này. Ở năm sự diệt tận này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng, và tâm của vị ấy khéo được khẳng định.

Đối với chánh định, có năm sự xả ly gì? Sự xả ly do áp chế, sự xả ly do thay thế, sự xả ly do đoạn trừ, sự xả ly do tĩnh lặng, sự xả ly do xuất ly. Và sự xả ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự xả ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định dự phần vào thông suốt, sự xả ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là

đạo] tối thượng ở đời, sự xả ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự xả ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với chánh định, có năm sự xả ly này. Ở năm sự xả ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. Đối với chánh định, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Này các Tỳ-khuru, cũng giống như bất cứ các hành động gì được thực hiện bằng sức lực, tất cả các hành động ấy đều được thực hiện sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hành động được thực hiện bằng sức lực này đều được thực hiện như vậy. Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru tu tập bảy giác chi, làm sung mãn bảy giác chi... (nt)... trong khi tu tập bảy giác chi, trong khi làm sung mãn bảy giác chi, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. ... (nt)... tu tập năm lực, làm sung mãn năm lực... (nt)... trong khi tu tập năm lực, trong khi làm sung mãn năm lực, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp. ... (nt)... tu tập năm quyền, làm sung mãn năm quyền... (nt)...

Này các Tỳ-khuru, cũng giống như bất cứ các hạt giống và các loài thảo mộc nào đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển, tất cả các loài ấy [đạt được] sau khi đã nương tựa vào trái đất, sau khi đã thiết lập ở trên trái đất; các hạt giống và các loài thảo mộc này đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển là như vậy. Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp.

Này các Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới, sau khi thiết lập ở giới, vị Tỳ-khuru trong khi tu tập năm quyền, trong khi làm sung mãn năm quyền, đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Này các Tỳ-khuru, ở đây, vị Tỳ-khuru tu tập tín quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly; tu tập tấn quyền... tu tập niệm quyền... tu tập định quyền... tu tập tuệ quyền liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham ái, liên hệ đến sự diệt tận, có sự hướng đến xả ly. Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru, sau khi nương tựa vào giới... (nt)... đạt được sự tăng trưởng, sự phát triển, sự tiến triển trong các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ. Đối với tấn quyền... Đối với niệm quyền... Đối với định quyền... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ.

Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. Và sự viễn ly do áp chế là đối với các pháp ngăn che ở vị đang tu tập sơ thiền, sự viễn ly do thay thế là đối với các khuynh hướng tà kiến ở vị đang tu tập định

dự phần vào thông suốt, sự viễn ly do đoạn trừ là ở vị đang tu tập đạo đưa đến đoạn tận [là đạo] tối thượng ở đời, sự viễn ly do tĩnh lặng là ở vào thời điểm của quả, và sự viễn ly do xuất ly là sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly này. Ở năm sự viễn ly này, có ước muốn được sanh lên, đức tin được chú trọng và tâm của vị ấy khéo được khẳng định. ... (nt)... Đối với tín quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Đối với tấn quyền... Đối với niệm quyền... Đối với định quyền... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly gì? Sự viễn ly do áp chế, sự viễn ly do thay thế, sự viễn ly do đoạn trừ, sự viễn ly do tĩnh lặng, sự viễn ly do xuất ly. ... (nt)... Đối với tuệ quyền, có năm sự viễn ly, năm sự ly tham ái, năm sự diệt tận, năm sự xả ly, mười hai sự liên hệ này.

Phần giảng về “Sự viễn ly” được đầy đủ.



V. GIẢNG VỀ HÀNH VI (*CARIYĀKATHĀ*)

Hành vi: Có tám hành vi: Hành vi của oai nghi, hành vi của xứ, hành vi của niệm, hành vi của định, hành vi của trí, hành vi của đạo, hành vi của sự đạt đến, và hành vi vì lợi ích của thế gian.

Hành vi của oai nghi: Liên quan đến bốn oai nghi.

Hành vi của xứ: Liên quan đến sáu nội ngoại xứ.

Hành vi của niệm: Liên quan đến bốn sự thiết lập niệm.

Hành vi của định: Liên quan đến bốn thiền.

Hành vi của trí: Liên quan đến bốn chân lý cao thượng.

Hành vi của đạo: Liên quan đến bốn Thánh đạo.

Hành vi của sự đạt đến: Liên quan đến bốn quả vị Sa-môn.

Hành vi vì lợi ích của thế gian: Liên quan đến các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, liên quan một phần đến các vị Phật Độc Giác, liên quan một phần đến các vị Thánh văn.

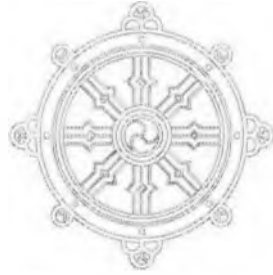
Hành vi của oai nghi là của các vị đã thành tựu ước nguyện. Hành vi của xứ là của các vị có sự hộ trì các căn. Hành vi của niệm là của các vị an trú vào sự không buông lung. Hành vi của định là của các vị gắn bó vào thẳng tâm. Hành vi của trí là của các vị đã thành tựu sự giác ngộ. Hành vi của đạo là của các vị thực hành đúng đắn. Hành vi của sự đạt đến là thuộc về các quả đã được chứng đạt. Hành vi vì lợi ích của thế gian là của các đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, là của các vị Phật Độc Giác một phần, là của các vị Thánh văn một phần. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Trong khi cương quyết là hành xử với tín, trong khi ra sức là hành xử với tấn, trong khi thiết lập là hành xử với niệm, trong khi hành động không tán mạn là hành xử với định, trong khi nhận biết là hành xử với tuệ, trong khi nhận thức là hành xử với thức. “Ở vị thực hành như thế, các thiện pháp được thể hiện” là hành xử với hành vi của xứ. “Vị thực hành như thế đạt đến sự thù thắng” là hành xử với hành vi của sự thù thắng. Đây là tám hành vi.

Có tám hành vi khác nữa: Hành vi nhận thấy của chánh kiến, hành vi gắn chặt [tâm vào cảnh] của chánh tư duy, hành vi gìn giữ của chánh ngữ, hành vi

nguồn sanh khởi của chánh nghiệp, hành vi trong sạch của chánh mạng, hành vi ra sức của chánh tinh tấn, hành vi thiết lập của chánh niệm, hành vi không tổn mạn của chánh định. Đây là tám hành vi.

Phần giảng về “Hành vi” được đầy đủ.



VI. GIẢNG VỀ PHÉP KỲ DIỆU (PĀṬIHĀRIYAKATHĀ)

Này các Tỳ-khuru, đây là ba phép kỳ diệu. Ba là gì? Phép kỳ diệu về thần thông, phép kỳ diệu về điểm hóa, phép kỳ diệu về giáo hóa.

Và này các Tỳ-khuru, phép kỳ diệu về thần thông là gì? Này các Tỳ-khuru, ở đây, có vị kinh nghiệm nhiều thể loại thần thông: Là một hóa thành nhiều, là nhiều hóa thành một, hiện ra, biến mất... (nt)... bằng thân vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên. Này các Tỳ-khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Và này các Tỳ-khuru, phép kỳ diệu về điểm hóa là gì? Này các Tỳ-khuru, ở đây, có vị chỉ điểm bằng hiện tượng rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế.” Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khuru, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tượng, mà chỉ lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên, rồi chỉ điểm rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế.” Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khuru, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tượng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điểm, mà chỉ lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm đang suy xét, rồi chỉ điểm rằng: “Ý của người là như vậy, ý của người là thế ấy, tâm của người là như thế.” Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khuru, hơn nữa ở đây, có vị chẳng những không chỉ điểm bằng hiện tượng, cũng không lắng nghe âm thanh của loài người, hoặc của phi nhân, hoặc của chư thiên rồi chỉ điểm, cũng không lắng nghe âm thanh lan truyền của sự suy tầm ở người đang suy tầm, đang suy xét rồi chỉ điểm, mà chỉ dùng ý nắm giữ, ý của vị đang thể nhập định không tâm không tứ và nhận biết rằng: “Theo như các tạo tác về ý của vị này đã được ước nguyện, thì kể liên tâm này vị ấy sẽ suy tầm đến điều suy tầm này như vậy.” Dẫu cho vị ấy chỉ điểm nhiều, điều ấy cũng xảy ra đúng y như thế, không có sai khác. Này các Tỳ-khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về điểm hóa.

Và này các Tỳ-khuru, phép kỳ diệu về giáo hóa là gì? Này các Tỳ-khuru, ở đây, có vị chỉ dạy như vậy: “Hãy suy tầm như vậy, chớ suy tầm như vậy. Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy. Hãy dứt bỏ điều này, hãy thành tựu và an trú

điều này.” Nay các Tỳ-khuru, điều này được gọi là phép kỳ diệu về giáo hóa. Nay các Tỳ-khuru, đây là ba phép kỳ diệu.

“Thoát ly được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại ước muốn trong các dục” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự thoát ly ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự thoát ly ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Không sân độc được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sân độc” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự không sân độc ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự không sân độc ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa. “Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự lơ đãng buồn ngủ” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự nghĩ tưởng về ánh sáng ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự không tán mạn được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự phóng dật” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự không tán mạn ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự không tán mạn ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự xác định pháp được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại hoài nghi” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự xác định pháp ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sự xác định pháp ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Trí được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại vô minh” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ trí ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, trí ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sự hân hoan được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự không hứng thú” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sự hân hoan ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về

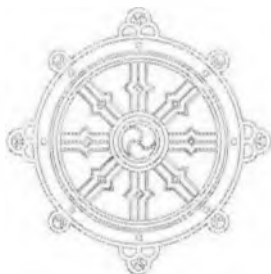
điểm hóa. “Hơn nữa, sự hân hoan ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Sơ thiền được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại các pháp ngăn che” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ sơ thiền ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, sơ thiền ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa. ... (nt)...

“Đạo A-la-hán được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại toàn bộ phiền não” là phép kỳ diệu. “Các vị nào hội đủ đạo A-la-hán ấy, tất cả các vị ấy có tâm được thanh tịnh, có tư duy không bị khuấy động” là phép kỳ diệu về điểm hóa. “Hơn nữa, đạo A-la-hán ấy nên được rèn luyện như thế, nên được tu tập như thế, nên được làm cho sung mãn như thế, niệm tùy thuận theo việc ấy nên được thiết lập như thế” là phép kỳ diệu về giáo hóa.

“Thoát ly được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại ước muốn trong các dục” là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. “Không sân độc được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sân độc” là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. “Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại sự lơ đãng buồn ngủ” là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông. ... (nt)... “Đạo A-la-hán được thành tựu” là thần thông. “Phản kháng lại toàn bộ phiền não” là phép kỳ diệu. Thành tựu và phép kỳ diệu được gọi là phép kỳ diệu về thần thông.

Phần giảng về “Phép kỳ diệu” được đầy đủ.



VII. GIẢNG VỀ CÁC PHÁP ĐỨNG ĐẦU ĐƯỢC TỊNH LẶNG (*SAMASĪSIKATHĀ*)

Sự nhận biết về việc đoạn trừ hoàn toàn đối với tất cả các pháp, về sự diệt tận và tính chất không thiết lập là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng là [có ý nghĩa] thế nào?

Đối với tất cả các pháp: Là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, các pháp thiện, các pháp bất thiện, các pháp vô ký, các pháp thuộc dục giới, các pháp thuộc sắc giới, các pháp thuộc vô sắc giới, các pháp không còn lệ thuộc.

Về việc đoạn trừ hoàn toàn: Do sự thoát ly, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự lơ đãng buồn ngủ. Do không tán mạn, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự phóng dật. Do xác định pháp, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự hoài nghi. Do trí, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn vô minh. Do hân hoan, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn sự không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn các pháp ngăn che. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] đoạn trừ hoàn toàn toàn bộ phiền não.

Về sự diệt tận: Do thoát ly, [hành giả] diệt tận ước muốn trong các dục. Do không sân độc, [hành giả] diệt tận sân độc. Do sự nghĩ tưởng đến ánh sáng, [hành giả] diệt tận sự lơ đãng buồn ngủ. Do không tán mạn, [hành giả] diệt tận sự phóng dật. Do sự xác định pháp, [hành giả] diệt tận hoài nghi. Do trí, [hành giả] diệt tận vô minh. Do hân hoan, [hành giả] diệt tận sự không hứng thú. Do sơ thiền, [hành giả] diệt tận các pháp ngăn che. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, [hành giả] diệt tận toàn bộ phiền não.

Do tính chất không thiết lập: Ở [hành giả] đã thành tựu thoát ly, ước muốn trong các dục không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu không sân độc, sân độc không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đãng buồn ngủ không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự không tán mạn, phóng dật không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sự xác định pháp, hoài nghi không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu trí, vô minh không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu hân hoan, sự không hứng thú không thiết lập. Ở [hành giả] đã thành tựu sơ thiền, các pháp ngăn che không thiết lập. ... (nt)... Ở [hành giả] đã thành tựu đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não không thiết lập.

Được tịnh lặng: Do trạng thái dứt bỏ ước muốn các dục, sự thoát ly được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không sân độc được tịnh lặng. Do trạng

thái dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, sự nghĩ tưởng đến ánh sáng được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, sự không tản mạn được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, sự xác định pháp được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ vô minh, trí được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, hân hoan được tịnh lặng. Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, sơ thiền được tịnh lặng. ... (nt)... Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán được tịnh lặng.

Pháp đứng đầu: Có mười ba pháp đứng đầu: Đứng đầu các sự vương bận là ái, đứng đầu các sự trói buộc là ngã mạn, đứng đầu các pháp tiêm nhiễm là tà kiến, đứng đầu các sự tản mạn là phóng dật, đứng đầu các phiền não là vô minh, đứng đầu các sự cương quyết là tín, đứng đầu các sự ra sức là tấn, đứng đầu các sự thiết lập là niệm, đứng đầu các sự không tản mạn là định, đứng đầu các sự nhận thức là tuệ, đứng đầu các sự vận hành là mạng quyền, đứng đầu các hành xử là giải thoát, đứng đầu các hành là sự diệt tận.

Phần giảng về “Các pháp đứng đầu được tịnh lặng” được đầy đủ.



VIII. GIẢNG VỀ SỰ THIẾT LẬP NIỆM (*SATIPATTHĀNAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Này các Tỳ-khuru, đây là bốn sự thiết lập niệm. Bốn là gì? Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru trong giáo pháp này an trú có sự quán xét thân trên thân, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. ... (nt)... thọ trên các thọ... (nt)... tâm trên tâm... (nt)... pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, có thể chế ngự tham và ưu phiền ở trên đời. Này các Tỳ-khuru, đây là bốn sự thiết lập niệm.

An trú có sự quán xét thân trên thân là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét thân [cấu thành bởi] nguyên tố đất là vô thường, không phải là thường; quán xét là khổ não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhàm chán, không vui thích; lia tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lia tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội các pháp đã được sanh lên tại nơi ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Ở đây, có vị quán xét thân [cấu thành bởi] nguyên tố nước... thân [cấu thành bởi] nguyên tố lửa... thân [cấu thành bởi] nguyên tố gió... thân [cấu thành bởi] tóc... thân [cấu thành bởi] lông... thân [cấu thành bởi] da ngoài... thân [cấu thành bởi] da trong... thân [cấu thành bởi] thịt... thân [cấu thành bởi] máu... thân [cấu thành bởi] gân... thân [cấu thành bởi] xương... thân [cấu thành bởi] tủy xương là vô thường, không phải thường; quán xét là khổ não, không phải lạc; quán xét là vô ngã, không phải ngã; nhàm chán, không vui thích; lia tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi

quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khổ não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhàm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thân theo bảy biểu hiện này. Thân là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thân ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét thân trên thân.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét thân trên thân là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét thọ lạc là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ... (nt)... Ở đây, có vị quán xét thọ khổ... thọ không khổ không lạc... thọ lạc có hệ lụy vật chất... thọ lạc không hệ lụy vật chất... thọ khổ có hệ lụy vật chất... thọ khổ không hệ lụy vật chất... thọ không khổ không lạc có hệ lụy vật chất... thọ không khổ không lạc không hệ lụy vật chất... thọ sanh lên do nhãn xúc... thọ sanh lên do nhĩ xúc... thọ sanh lên do tỷ xúc... thọ sanh lên do thiệt xúc... thọ sanh lên do thân xúc... thọ sanh lên do ý xúc là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét thọ theo bảy biểu hiện này. Thọ là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét thọ ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét thọ trên các thọ.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... An trú có sự quán xét thọ trên các thọ là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét tâm trên tâm là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét tâm có tham ái là vô thường, không phải thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ... (nt)... Ở đây, có vị quán xét tâm lìa khỏi tham ái... tâm có sân... tâm lìa khỏi sân... tâm có si... tâm lìa khỏi si... tâm co rút... tâm tản mạn... tâm đại hành... tâm không đại hành... tâm vượt trội... tâm không vượt trội... tâm định tĩnh... tâm không định tĩnh... tâm được giải thoát... tâm chưa được giải thoát... nhãn thức... nhĩ thức... tỷ thức... thiết thức... thân thức... ý thức là vô thường, không phải là thường;... (nt)...; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường;... (nt)...; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét tâm theo bảy biểu hiện này. Tâm là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét tâm ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét tâm trên tâm.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. ... (nt)... An trú có sự quán xét tâm trên tâm là [có ý nghĩa] như thế.

An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Ở đây, có vị quán xét các pháp còn lại, ngoại trừ thân, ngoại trừ thọ, ngoại trừ tâm, là vô thường, không phải là thường; quán xét là khô não, không phải là lạc; quán xét là vô ngã, không phải là ngã; nhằm chán, không vui thích; lìa tham ái, không tham ái; làm cho diệt tận, không làm cho sanh khởi; từ bỏ, không nắm giữ. Trong khi quán xét là vô thường, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về thường; trong khi quán xét là khô não, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về lạc; trong khi quán xét là vô ngã, [vị ấy] dứt bỏ sự nghĩ tưởng về ngã; trong khi nhằm chán, [vị ấy] dứt bỏ sự vui thích; trong khi lìa tham ái, [vị ấy] dứt bỏ tham ái; trong khi làm cho diệt tận, [vị ấy] dứt bỏ nguồn sanh khởi; trong khi từ bỏ, [vị ấy] dứt bỏ sự nắm giữ. [Vị ấy] quán xét các pháp ấy theo bảy biểu hiện này. Các pháp là sự thiết lập, không phải niệm. Niệm vừa là sự thiết lập, vừa là niệm. Với niệm ấy, với trí ấy, [vị ấy] quán xét các pháp ấy. Vì thế, được gọi là: “Sự thiết lập niệm về quán xét pháp trên các pháp.”

Sự tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. An trú có sự quán xét pháp trên các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

Phản giảng về “Sự thiết lập niệm” được đầy đủ.

IX. GIẢNG VỀ MINH SÁT (VIPASSANĀKATHĀ)

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời, đức Thế Tôn ngự tại tu viện của ông Anāthapiṇḍika, trong khu rừng [của Thái tử] Jeta, ở thành Sāvatthi. Chính ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khuru rằng:

– Nay các Tỳ-khuru.

– Thưa Ngài.

Các vị Tỳ-khuru ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Nay các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là thường, sẽ có được sự nhần nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhần nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là vô thường, sẽ có được sự nhần nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhần nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ hành nào là lạc, sẽ có được sự nhần nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhần nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các hành là khổ não, sẽ có được sự nhần nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhần nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét bất cứ pháp nào là ngã, sẽ có được sự nhần nại phù hợp; sự kiện này không được biết

đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét tất cả các pháp là vô ngã, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét Niết-bàn là khổ não, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này không được biết đến. Không có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này không được biết đến. Không đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này không được biết đến.

Này các Tỳ-khuru, quả thật vị Tỳ-khuru ấy, trong lúc đang xem xét Niết-bàn là lạc, sẽ có được sự nhẫn nại phù hợp; sự kiện này được biết đến. Có được sự nhẫn nại phù hợp, [vị ấy] sẽ đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn; sự kiện này được biết đến. Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn, [vị ấy] sẽ tác chứng quả Nhập lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất lai, hoặc quả A-la-hán; sự kiện này được biết đến.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bao nhiêu biểu hiện? Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bao nhiêu biểu hiện?

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện gì? Đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện gì? [Vị ấy nhận thấy] năm uẩn là vô thường, là khổ não, là ốm đau, là mệt nhọc, là mũi tên, là bất hạnh, là tật bệnh, là xa lạ, là tiêu hoại, là tai ương, là tai họa, là kinh hãi, là sự đe dọa, là lay chuyển, là mỏng manh, là không bền vững, là không sự bảo vệ, là không phải chỗ ngụ, là không sự nương tựa, là trống rỗng, là hão huyền, là không, là vô ngã, là tai hại, là pháp chuyển biến, là không có thực chất, là cội nguồn của bất hạnh, là kẻ hành quyết, là không hiện hữu, là có lậu hoặc, là tạo tác, là vật chất của Ma vương, là pháp sanh ra, là pháp già, là pháp bệnh, là pháp tử, là pháp sầu muộn, là pháp than vãn, là pháp thất vọng, là pháp phiền não.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô thường, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là thường hằng, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là khổ não, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù

hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là lạc, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là ốm đau, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là vô bệnh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mụn nhọt, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không mụn nhọt, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mũi tên, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không phải mũi tên, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là bất hạnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không bất hạnh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tật bệnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không tật bệnh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là xa lạ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn không phải là duyên của người khác, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tiêu hoại, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là pháp không tiêu hoại, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai ương, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không tai ương, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai họa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không tai họa, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kinh hãi, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không kinh hãi, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là sự đe dọa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là sự không đe dọa, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là lay chuyển, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không lay chuyển, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là mỏng manh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại

phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không mỏng manh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không bền vững, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là bền vững, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự bảo vệ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là sự bảo vệ, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không phải chỗ ngụ, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là chỗ ngụ, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không sự nương tựa, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là sự nương tựa, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là trống rỗng, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không trống rỗng, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là hão huyền, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không hão huyền, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là tối thượng về không, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vô ngã, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là chân lý tuyệt đối, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tai hại, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không tai hại, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp chuyển biến, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là pháp không chuyển biến, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không có thực chất, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là có thực chất, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là cội nguồn của bất hạnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không phải cội nguồn của bất hạnh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là kẻ hành quyết, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không phải kẻ hành quyết, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là không hiện hữu, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không phải phi hữu, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là có lậu hoặc, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không có lậu hoặc, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là tạo tác, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không tạo tác, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là vật chất của Ma vương, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không vật chất, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sanh ra, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là vô sanh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp già, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không già, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp bệnh, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không bệnh, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp tử, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là bất tử, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp sâu muộn, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không sâu muộn, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp than vãn, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không than vãn, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp thất vọng, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không thất vọng, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

Trong khi nhận thấy năm uẩn là pháp phiền não, [vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp. Trong khi nhận thấy rằng: “Sự diệt tận năm uẩn là không phiền não, là Niết-bàn”, [vị ấy] đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn.

- “**Là vô thường**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là khổ não**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là ốm đau**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là mụn nhọt**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là mũi tên**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là bất hạnh**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là tật bệnh**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là sự xa lạ**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là tiêu hoại**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là tai ương**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là tai họa**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là kinh hãi**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là sự đe dọa**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là lay chuyển**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là mỏng manh**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là không bền vững**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là không sự bảo vệ**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là không phải chỗ ngụ**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là không sự nương tựa**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là trống rỗng**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là hão huyền**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là không**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là vô ngã**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là tai hại**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là pháp chuyển biến**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là không có thực chất**”, như thế là sự quán xét về vô ngã.
 “**Là cội nguồn bất hạnh**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là kẻ hành quyết**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là không hiện hữu**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là có lậu hoặc**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là tạo tác**”, như thế là sự quán xét về vô thường.
 “**Là vật chất của Ma vương**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là sanh ra**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là pháp già**”, như thế là sự quán xét về khổ não.
 “**Là pháp bệnh**”, như thế là sự quán xét về khổ não.

“**Là pháp tử**”, như thế là sự quán xét về vô thường.

“**Là pháp sâu muộn**”, như thế là sự quán xét về khổ não.

“**Là pháp than vãn**”, như thế là sự quán xét về khổ não.

“**Là pháp thất vọng**”, như thế là sự quán xét về khổ não.

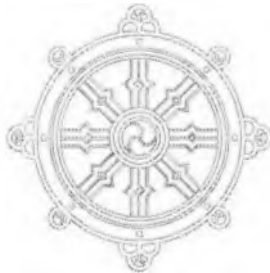
“**Là pháp phiền não**”, như thế là sự quán xét về khổ não.

[Vị ấy] thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này.

Đối với vị thành đạt sự nhẫn nại phù hợp với bốn mươi biểu hiện này, đối với vị đạt đến sự xác định về tính chất đúng đắn với bốn mươi biểu hiện này, có bao nhiêu sự quán xét về vô thường? Có bao nhiêu sự quán xét về khổ não? Có bao nhiêu sự quán xét về vô ngã?

Hai mươi lăm quán xét về vô ngã, năm mươi quán xét về vô thường và có đến một trăm hai mươi lăm nói về các khổ não.⁷

Phản giảng về “Minh sát” được đầy đủ.



⁷ Ở trên là 40 biểu hiện: Liên quan đến vô ngã có 5, vô thường có 10, khổ não có 25, và có liên quan đến 5 uẩn nên toàn bộ sẽ là $40 \times 5 = 200$, chính là tổng số của $25 + 50 + 125$ ở câu cuối (*PsA. III. 700*).

X. GIẢNG VỀ CÁC TIÊU ĐỀ (*MĀTIKĀKATHĀ*)

Không khát khao, “được giải thoát” là giải thoát, minh và giải thoát, thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ, tịnh, trí, sự nhận thấy, sự thanh tịnh, sự thoát ly, sự xuất ly, sự tách ly, sự xả ly, hành vi, giải thoát do thiên, sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống.

Không khát khao: Không khát khao với ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly, không khát khao với sân độc nhờ vào sự không sân độc. ... (nt)... không khát khao với các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiên. ... (nt)... không khát khao với toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán.

Giải thoát: “Được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục nhờ vào sự xuất ly” là giải thoát. ... (nt)... “Được giải thoát khỏi các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiên” là giải thoát. ... (nt)... “Được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán” là giải thoát.⁸

Minh và giải thoát: “Sự thoát ly được biết đến” là minh, “được giải thoát khỏi ước muốn trong các dục” là giải thoát, “trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến” là minh và giải thoát. “Không sân độc được biết đến” là minh, “được giải thoát khỏi sân độc” là giải thoát, “trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến” là minh và giải thoát. ... (nt)... “Đạo A-la-hán được biết đến” là minh, “được giải thoát khỏi toàn bộ phiền não” là giải thoát, “trong khi được biết đến thì được giải thoát, trong khi được giải thoát thì được biết đến” là minh và giải thoát.

Thắng giới, thắng tâm, thắng tuệ: Nhờ vào sự thoát ly, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc ước muốn trong các dục, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, có kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tán mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ. Nhờ vào không sân độc, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc sân độc... (nt)... Nhờ vào đạo A-la-hán, có giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc toàn bộ phiền não, có tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn, có kiến

⁸ Dịch theo văn bản Pāli của tạng PTS và tạng Thái Lan: “*Nekkhammena kāmaccchandato muccatīti vimokkho.*”

thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thấy. Trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa thu thúc điều ấy là sự học tập về thắng giới, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa không tán mạn điều ấy là sự học tập về thắng tâm, trong trường hợp này điều nào có ý nghĩa nhận thấy điều ấy là sự học tập về thắng tuệ.

Tịnh: Nhờ vào sự thoát ly, [hành giả] làm tịnh lạng ước muốn trong các dục. Nhờ vào không sân độc, [hành giả] làm tịnh lạng sân độc. ... (nt)... Nhờ vào đạo A-la-hán, [hành giả] làm tịnh lạng toàn bộ phiền não.

Trí: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là trí theo ý nghĩa đã được biết. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là trí theo ý nghĩa đã được biết. ... (nt)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là trí theo ý nghĩa đã được biết.

Sự nhận thấy: Sự thoát ly nhờ vào trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. Không sân độc nhờ vào trạng thái dứt bỏ sân độc là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy. ... (nt)... Đạo A-la-hán nhờ vào trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não là sự nhận thấy nhờ vào trạng thái đã được thấy.

Sự thanh tịnh: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào không sân độc. ... (nt)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] được thanh tịnh nhờ vào đạo A-la-hán.

Sự thoát ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là thoát ly khỏi điều ấy. Đối với sân độc, không sân độc là sự thoát ly. Đối với sự lơ dờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. ... (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự thoát ly.

Sự xuất ly: Đây là sự xuất ly khỏi các dục, tức là sự thoát ly. Đây là sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ điều gì hiện hữu, còn tạo tác, được tùy thuận sanh lên, sự diệt tận là xuất ly khỏi điều ấy. Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự xuất ly. Đối với sân độc, không sân độc là sự xuất ly. Đối với sự lơ dờ buồn ngủ, nghĩ tưởng về ánh sáng là sự thoát ly. ... (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự xuất ly.

Sự tách ly: Đối với ước muốn trong các dục, thoát ly là sự tách ly. ... (nt)... Đối với toàn bộ phiền não, đạo A-la-hán là sự tách ly.

Sự xả ly: “Nhờ vào sự thoát ly, [hành giả] xả ly ước muốn trong các dục” là sự xả ly. “Nhờ vào không sân độc, [hành giả] xả ly sân độc” là sự xả ly. ... (nt)... “Nhờ vào đạo A-la-hán, [hành giả] xả ly toàn bộ phiền não” là sự xả ly.

Hành vi: Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] hành xử bằng sự thoát ly. Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] hành xử bằng không sân độc. ... (nt)... Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] hành xử bằng đạo A-la-hán.

Giải thoát do thiên: “Sự thoát ly được nung nấu” là thiên, “[hành giả] thiêu đốt ước muốn trong các dục” là thiên, “trong khi được nung nấu, [hành giả] giải thoát” là giải thoát do thiên, “trong khi thiêu đốt, [hành giả] giải thoát” là giải thoát do thiên, “được nung nấu” là các pháp, “[hành giả] thiêu đốt” là các phiền não, “biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt” là có sự thiêu đốt do thiên. “Không sân độc được nung nấu” là thiên, “[hành giả] thiêu đốt sân độc” là thiên. ... (nt)... “Sự nghĩ tưởng về ánh sáng được nung nấu” là thiên, “[hành giả] thiêu đốt sự lơ đãng buồn ngủ” là thiên. ... (nt)... “Đạo A-la-hán được nung nấu” là thiên, “[hành giả] thiêu đốt toàn bộ phiền não” là thiên. “Trong khi được nung nấu, [hành giả] giải thoát” là giải thoát do thiên, “trong khi thiêu đốt, [hành giả] giải thoát” là giải thoát do thiên, “được nung nấu” là các pháp, “[hành giả] thiêu đốt” là các phiền não, “biết điều được nung nấu và điều được thiêu đốt” là có sự thiêu đốt do thiên.

Sự tu tập, sự khẳng định, cuộc sống: “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] tu tập sự thoát ly”, [vị ấy] có được sự tu tập. “Do nhờ năng lực của sự thoát ly, [hành giả] khẳng định tâm”, [vị ấy] có được sự khẳng định. “Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này sống tịnh lặng không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn không sai trái, sống thanh tịnh không bị phiền não” [vị ấy] có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị bối rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

“Trong khi dứt bỏ sân độc, [hành giả] tu tập không sân độc”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, [hành giả] tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ phóng dật, [hành giả] tu tập sự không tán mạn”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ hoài nghi, [hành giả] tu tập sự xác định pháp”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ vô minh, [hành giả] tu tập về minh”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, [hành giả] tu tập sự hân hoan”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, [hành giả] tu tập sơ thiên”, [vị ấy] có được sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, [hành giả] tu tập đạo A-la-hán”, [vị ấy] có được sự tu tập. “Do nhờ năng lực của đạo A-la-hán, [hành giả] khẳng định tâm”, [vị ấy] có được sự khẳng định. “Có được sự tu tập, có được sự khẳng định như thế, vị này sống tịnh lặng, không phải không tịnh lặng; sống đúng đắn, không sai trái, sống thanh tịnh không bị ô nhiễm” [vị ấy] có được cuộc sống. Có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế, vị này đi đến bất cứ tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, dầu là tập thể Bà-la-môn, dầu là tập thể gia chủ, dầu là tập thể Sa-môn, vị ấy đi đến với lòng tự tín, không bị

bồi rối. Điều ấy là nguyên nhân của điều gì? Bởi vì vị ấy có được sự tu tập, có được sự khẳng định, có được cuộc sống như thế.

Phần giảng về “Các tiêu đề” được đầy đủ.

Phẩm “Tuệ” là phần thứ ba.

Đây là phần tóm lược:

Tuệ, thần thông, lãnh hội,
Phép kỳ diệu, đứng đầu,
Tiêu đề nữa là mười,

Viễn ly, hạnh thứ năm,
Thiết lập niệm, minh sát,
Thuộc phẩm Tuệ, thứ ba.

TÁC PHẨM “PHÂN TÍCH ĐẠO” ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

